

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TPL21BTS**

Năm học: **21-22**

Mã môn học/ Mô đun: **MH04289**

Học kỳ: **01**

Tên môn học/ Mô đun: **Tiếng Anh**

Số tín chỉ: **4**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1					Hệ số 2					ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTPL0358	Nguyễn Chí Cường	10/03/2006			8	7	7	7	6				0.0		2.8
2	21BTPL0359	Lê Lộc Duy	19/05/1986			6	7	9	8	8				9.8		9.0
3	21BTPL0360	Khuru Thị Bích Đào	02/07/2000			7	8	8	8	9				9.8		9.1
4	21BTPL0361	Lê Thanh Điền	11/11/1985			7	6	9	6	8				0.0		3.0
5	21BTPL0362	Trần Thị Cẩm Giang	27/02/2006			7	6	7	9	6				0.0		2.9
6	21BTPL0363	Võ Nguyễn Bảo Giang	21/07/2006			6	7	7	6	9				0.0		2.9
7	21BTPL0364	Cao Thị Hồng Hạnh	24/03/2006			6	7	7	6	6				0.0		2.6
8	21BTPL0365	Nguyễn Thị Mộng Khoa	24/08/2005			7	7	7	6	6				0.0		2.6
9	21BTPL0366	Nguyễn Tuấn Kiệt	26/07/2006			6	7	7	6	6				0.0		2.6
10	21BTPL0367	Trần Thị Ngọc Mai	19/04/2003			9	7	9	9	10				10.0		9.6
11	21BTPL0368	Quách Văn Măng	/ /1991			9	10	9	9	10				9.8		9.6
12	21BTPL0369	Lê Trung Nam	04/08/1980			9	10	9	9	9				9.5		9.4
13	21BTPL0370	Lương Trọng Nghĩa	29/01/1994			8	9	7	6	6				0.0		2.8
14	21BTPL0371	Phan Thị Mỹ Phương	23/10/2002			9	9	8	9	7				9.8		9.2
15	21BTPL0372	Dương Hoàng Sếp	/ /1991			9	8	9	6	9				0.0		3.3
16	21BTPL0373	Hồ Trường Sơn	16/02/2001			7	6	7	6	6				0.0		2.6
17	21BTPL0374	Lê Huỳnh Ngọc Thảo	03/07/2006			6	7	7	6	6				0.0		2.6
18	21BTPL0375	Nguyễn Thị Lệ Thu	12/08/1988			9	8	9	8	8				9.8		9.2
19	21BTPL0376	Nguyễn Ngọc Bảo Thư	21/10/2003			6	7	7	9	9				10.0		9.2
20	21BTPL0377	Lê Thanh Tiếng	01/01/1986			6	7	7	6	6				0.0		2.6
21	21BTPL0378	Bùi Thị Tú Trinh	14/01/2006			7	6	7	6	6				0.0		2.6
22	21BTPL0379	Lê Phước Trung	15/10/1984			9	8	9	9	9				9.3		9.1
23	21BTPL0380	Lê Văn Tuấn	24/04/1986			7	9	8	9	8				9.8		9.2
24	21BTPL0381	Nguyễn Văn Tùng	10/01/2005			6	7	7	6	6				0.0		2.6
25	21BTPL0382	Phan Thị Tuyết Vi	06/05/2006			6	7	7	6	6				0.0		2.6
26	21BTPL0575	Đặng Thị Út	19/09/1988			6	7	7	6	6				9.8		8.4
27	21BTPL0576	Phạm Văn Thắng	03/07/1997			9	7	9	9	9				9.5		9.2
28	21BTPL0582	Võ Thị Duyên	29/07/1997			7	6	9	8	9				9.8		9.1
29	21BTPL0583	Lê Trung Nguyên	20/03/2001			6	7	7	6	6				0.0		2.6
30	21BTPL0587	Nguyễn Văn Điền	07/03/1988			8	7	7	9	6				9.8		8.8
31	21BTPL0588	Nguyễn Thanh Hải	01/01/1968			8	8	7	7	6				9.0		8.2

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	-------	-------	------------

Châu Đốc, ngày 13 tháng 6 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phạm Thị Minh Tâm